

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 28/2019/TLST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng C (tên viết tắt là CBank); địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà C, số X đường T, phường C, quận H, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Lê P, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ - Phòng Kinh doanh Ngân hàng C - Chi nhánh H; địa chỉ: Số V đường T, phường T, quận L, thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 09/2017/UQ-TGD ngày 16/02/2017 và số 08/2019/UQ-GĐ ngày 24/4/2019).

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn T, sinh năm 1963 và bà Lê Thị T, sinh năm 1966; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố H; nơi ở hiện nay: Thôn M, xã T, huyện T, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị T: Ông Trần Văn T, sinh năm 1963; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố H; nơi ở hiện nay:

Thôn M, xã T, huyện T, thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/7/2019).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Trần Văn T và bà Lê Thị T phải trả cho CBank tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 02/7/2019 là 374.495.172 đồng (trong đó: Nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.268.751 đồng, nợ lãi quá hạn là 369.226.421 đồng).

Kể từ ngày 02/7/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Ông Trần Văn T và bà Lê Thị T thanh toán nợ tại điểm 2.1. nêu trên theo phương án sau:

Kể từ tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, mỗi tháng ông Trần Văn T và bà Lê Thị T trả 5.000.000 đồng. Kể từ tháng 01 năm 2020, mỗi tháng ông Trần Văn T và bà Lê Thị T trả 10.000.000 đồng, chậm nhất đến ngày 31 tháng 8 năm 2020 ông Trần Văn T và bà Lê Thị T trả hết nợ cho CBank. Trường hợp ông Trần Văn T và bà Lê Thị T có đơn đề nghị miễn giảm một phần nợ, CBank xem xét theo quy định và giải chấp tài sản bảo đảm cho ông Trần Văn T và bà Lê Thị T.

2.3. Trường hợp ông Trần Văn T và bà Lê Thị T vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ hàng tháng nào như điểm 2.2. thì CBank được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau để thu hồi toàn bộ khoản nợ: Quyền sử dụng diện tích 361m² đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 53C, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại xóm L (nay là Thôn M), xã T, huyện T, thành phố H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 184066, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00342 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 26/9/2012 cho người sử dụng là ông Trần Văn T và bà Lê Thị T).

2.4. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ để trả nợ thì ông Trần Văn T và bà Lê Thị T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho CBank.

2.5. Về án phí: Ông Trần Văn T và bà Lê Thị T nhận nộp toàn bộ án phí dân

sự sơ thẩm là 9.362.000 đồng (Chín triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Trả lại cho CBank số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007367 ngày 09/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Vân